**GIẢI THÍCH BIỂU SỐ 19/BTP/LLTP**

**Số Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

1.1. Biểu số 19/BTP/LLTP để thu thập thông tin thống kê về số Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu

1.2. Giải thích từ ngữ

*- Phiếu lý lịch tư pháp:* Là phiếu do Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp cấp có giá trị chứng minh cá nhân có hay không có án tích; bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản (khoản 4 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp 2009).

*- Phiếu lý lịch tư pháp số 1:* Là Phiếu lý lịch tư pháp cấp cho cá nhân, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (điểm a khoản 1 Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp 2009).

*- Phiếu lý lịch tư pháp số 2:* Là Phiếu lý lịch tư pháp cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng và cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về lý lịch tư pháp của mình (điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp 2009).

*- Công dân Việt Nam:* Là người có quốc tịch Việt Nam (khoản 1, Điều 5 Luật Quốc tịch Việt Nam 2008)

*- Người nước ngoài:* Là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người không có quốc tịch.

*- Tổ chức chính trị:* Bao gồm các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Trung ương và địa phương.

*- Tổ chức chính trị xã hội:* Bao gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tại Trung ương và địa phương.

*- Cơ quan tiến hành tố tụng* bao gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án (khoản 1, Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự)

*- Có án tích:* Là người đã bị kết án và chưa được xóa án tích.

*- Không có án tích:* Là người chưa từng bị kết án hoặc đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích.

- Viết tắt: DN: Doanh nghiệp, HTX: Hợp tác xã

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1 = Cột (2+3+4) = Cột (5+6).

- Cột 7 = Cột (8+9) là một phần của cột 1.

- Cột 10 = Cột (11+12+13) = cột (14+15) = cột (16+17).

Lưu ý: Cột (7) có thể không bằng cột (1) vì có trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức không có yêu cầu xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX thì nội dung này không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp (khoản 3, Điều 42, Luật Lý lịch tư pháp).

**3. Nguồn số liệu**

- Từ Sổ cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp/Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

**GIẢI THÍCH BIỂU SỐ 20a/BTP/LLTP**

**Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý của Sở Tư pháp**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

1.1. Biểu số 20a/BTP/LLTP để thu thập thông tin thống kê về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được và xử lý từ các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

1.2. Giải thích từ ngữ:

 - Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý: Là số lượng thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Thi hành án dân sự, Công an, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cơ quan tổ chức cung cấp cho Sở Tư pháp theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật. Thông tin lý lịch tư pháp bao gồm thông tin lý lịch tư pháp về án tích và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Thông tin về án tích: Nội dung thông tin về án tích là thông tin về cá nhân người bị kết án; tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí; ngày, tháng, năm tuyên án, tòa án đã tuyên bản án, số của bản án đã tuyên; tình trạng thi hành án.

- Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã: Nội dung thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã là thông tin về cá nhân người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã; chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được xác lập từ quyết định tuyên bố phá sản đã có hiệu lực pháp luật của Toà án theo quy định của Luật phá sản.

- Tòa án các cấp: bao gồm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Tòa án quân sự. Tòa án có trách nhiệm cung cấp bản án hình sự, trích lục bản án hình sự, quyết định tuyên bố phá sản, các quyết định, giấy chứng nhận khác có liên quan đến tình trạng thi hành án của người bị kết án theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**-** Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh: cung cấp quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù của người bị kết án.

- Cơ quan Công an cấp huyện: cung cấp giấy chứng nhận liên quan đến hình phạt ngoài tù của người bị kết án.

- Cơ quan Thi hành án dân sự: bao gồm các Cục Thi hành án dân sự, các Chi cục Thi hành án dân sự. Thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan thi hành án dân sự cung cấp bao gồm các quyết định, giấy xác nhận, văn bản thông báo về việc thi hành án dân sự trong bản án hình sự theo quy định của Luật lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia: cung cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá.

- Cơ quan khác: Bao gồm Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo và các hình phạt bổ sung.

- Cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp khác: Là cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền lập Lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp khác.

- Đã tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin: Là số lượng thông tin đã được tiếp nhận, kiểm tra, phân loại và đã được vào Sổ tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp.

- Chưa kiểm tra, phân loại thông tin: Là số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được nhưng chưa được kiểm tra, phân loại và vào Sổ tiếp nhận.

- Chưa lập LLTP, cập nhật bổ sung: là số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã được vào Sổ tiếp nhận thông tin nhưng chưa được lập Lý lịch tư pháp, cập nhật bổ sung thông tin

- Viết tắt:

DN: Doanh nghiệp; HTX: Hợp tác xã; LLTP: Lý lịch tư pháp.

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1= Cột (2+ 3+4+5+6+7+8).

- Cột 9 = Cột (10+12)

- Cột 11 là một phần của cột 10.

- Cột 13 = Cột (14+15)

**3. Nguồn số liệu**

Từ Sổ tiếp nhận thông tin của Sở Tư pháp.

**GIẢI THÍCH BIỂU SỐ 20b/BTP/LLTP**

**Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

1.1. Biểu số 20b/BTP/LLTP để thu thập thông tin thống kê về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được và xử lý từ các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

1.2. Giải thích từ ngữ:

 - Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý: Là số lượng thông tin lý lịch tư pháp do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan công an (trại giam, trại tạm giam…), cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Sở Tư pháp, Cơ quan có liên quan khác cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền lập lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật. Thông tin lý lịch tư pháp bao gồm thông tin lý lịch tư pháp về án tích và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao: cung cấp bản sao trích lục bản án, trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp.

- Trại giam, trại tạm giam…: cung cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá của người bị kết án.

- Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng: cung cấp tong tin của người bị Tòa án quân sự kết án.

- Sở Tư pháp: cung cấp bản án hình sự, trích lục bản án hình sự, quyết định, giấy chứng nhận có liên quan của người không rõ nơi cư trú theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Cơ quan có liên quan khác: cung cấp bản ản, quyết định, giấy chứng nhận có liên quan của người không rõ nơi cư trú theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chưa kiểm tra, phân loại: là số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được nhưng chưa được kiểm tra, phân loại và vào Sổ tiếp nhận.

- Chưa lập LLTP, cập nhật bổ sung: là số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã được vào sổ tiếp nhận thông tin nhưng chưa được lập LLTP, cập nhật bổ sung thông tin

- Viết tắt: LLTP: Lý lịch tư pháp.

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1= Cột (2+ 3+4+5+6).

- Cột 7 = Cột (8+10)

- Cột 11 = Cột (12+13)

**3. Nguồn số liệu**

Từ Sổ tiếp nhận thông tin của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 21/BTP/LLTP**

**Số người có Lý lịch tư pháp**

 **1. Nội dung**

 1.1. Biểu số: 21/BTP/LLTP để thu thập thông tin thống kê về số người có lý lịch tư pháp (chú ý: số liệu thống kê ở biểu này khác với số liệu thống kê về số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp cho cá nhân, tổ chức tại Biểu số 19/BTP/LLTP).

 1.2. Giải thích từ ngữ:

 - Lý lịch tư pháp: là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản (khoản 1 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp 2009).

- Công dân Việt Nam: Là người có quốc tịch Việt Nam (khoản 1, Điều 5 Luật Quốc tịch Việt Nam 2008).

- Người nước ngoài: Là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người không có quốc tịch.

**2. Phương pháp tính và cách ghi biểu**

 - Cột 1 = Cột (2+3+4).

 - Cột 5 = Cột (6+7+8).

**3. Nguồn số liệu**

Từ Sổ lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp/Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.